

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KBANG  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST.

Ngày: 18/01/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tố Uyên – Thư ký TAND huyện Kbang.

**- Đại diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hữu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/HSST ngày 19/8/2020 đối với các bị cáo:

**1. Lê Đình H**, sinh ngày 18/4/1991 tại Tân Kỳ, Nghệ An; Nơi thường trú: Thôn 1, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Lê Đình Tác (đã chết) và bà Trần Thị Thủy. Vợ là Vũ Thị Oanh, có 01 con sinh năm 2014.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Đặng Văn M**, sinh năm 1977 tại An Nhơn, Bình Định; Nơi thường trú: Thôn Tú Thủy 1, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đặng Xuân Mai (đã chết) và bà Phạm Thị Dấu (đã chết). Vợ là Phạm Thị Mai, có 03 con, nhỏ nhất sinh năm 2004 và lớn nhất sinh năm 1998.

Bị cáo bị bắt từ ngày 07/5/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**3. Hồ Tiến D**, sinh năm 1970 tại Quỳnh L, Nghệ An; Nơi thường trú: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 14/3/1991, bị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân và

ngày 24/9/2001 bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong cả 02 bản án. Con ông Hồ Tiến H (là Liệt sỹ) và bà Hồ Thị S (đã chết). Vợ là Đặng Thị Ngọc H, có 03 con, nhỏ nhất sinh năm 2004 và lớn nhất sinh năm 1995.

Bị cáo bị bắt từ ngày 07/5/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**4. Đặng Xuân M**, sinh ngày 14/11/1998 tại A, Gia Lai; Nơi thường trú: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đặng Văn M và bà Phạm Thị M, vợ là Dương Thị Ngọc B, có 01 con sinh năm 2019.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**\*Bị hại:** Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Khắc H, sinh năm 1978 - Chức vụ: Phó Giám đốc công ty (có mặt).

Địa chỉ: Xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Chị Vũ Thị O, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**\*Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1992 (vắng mặt).

3. Ông Lê Viết H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1964 (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Mậu V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

7. Anh Y Blôk Mlô K, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng làm việc tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào sáng ngày 18/01/2020, Lê Đình H đi vào rừng tại lô 7, khoảnh 6, tiểu khu 136 lâm phần do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp L (Sau đây gọi tắt là Công ty L) quản lý để tìm cây gỗ khai thác trái phép. H tìm thấy một cây gỗ Bằng lăng còn xanh tốt mọc sát một cây Đa, phần thân, ngọn của cây Bằng lăng và cây gỗ Đa bám chặt vào nhau. Sau khi tìm thấy cây gỗ Bằng lăng, H điện thoại cho Đặng Văn M, thuê M vào khai thác cây gỗ đó; H trả tiền công sau khi làm được gỗ; M đồng ý

và thống nhất ngày 19/01/2020 sẽ đi làm gỗ. H nói M gọi thêm người và chuẩn bị công cụ, phương tiện, mua xăng, nhớt để khai thác gỗ, chi phí H sẽ đưa lại cho M sau. Vào khoảng 17 giờ ngày 18/01/2020, M gọi điện thoại cho Hồ Tiến D nói ngày 19/01/2020 D đi khai thác gỗ cho H ở xã L cùng M thì D đồng ý. Sau khi đã thống nhất, M nói Đặng Xuân M – là con trai ruột của M chuẩn bị công cụ, phương tiện để đi khai thác gỗ trái phép. Sau đó, M điều khiển xe mô tô chở M mang theo công cụ, phương tiện vào nhà Hồ Tiến D ở thôn 1, xã N. Hồ Tiến D đi xe mô tô của gia đình, còn M đi xe mô tô chở M vào cây xăng Đồng T, thị trấn K mua xăng, nhớt. Xong, M liên lạc với H để thống nhất địa điểm gặp nhau, H chỉ đường cho M, M, D vào gặp H ở tại làng Đăk K, xã L. Tại đây, nhóm M gặp H thì H đưa bao đựng máy cưa xăng, lam, xích cưa xăng của H cho D chở. H chỉ đường cho M dẫn M, D vào vị trí cây gỗ Bằng lăng để cắt hạ; còn H đi canh chừng lực lượng bảo vệ rừng (canh đường). M điều khiển xe chở M mang theo máy cưa, nhiên liệu, đồ đạc của M cùng D điều khiển xe chở máy cưa, lam, xích, cưa xăng của H để H dẫn M, M, D mang công cụ, phương tiện đi vào rừng tại lô 7, khoảnh 6, tiểu khu 136 (là rừng phòng hộ) lâm phần do Công ty L quản lý để khai thác gỗ trái phép.

H dẫn M, D, M đi xuống đến vị trí một cây gỗ Bằng lăng có cây Đa ôm ở phần ngọn cây; H nói M, M, D cắt hạ cây gỗ Bằng lăng để xẻ lấy gỗ. M dùng dao rựa dọn xung quanh gốc cây Bằng lăng rồi M lắp máy cưa xăng của M đưa cho D để cắt hạ cây gỗ Bằng lăng. Sau đó, H nói M, D, M ở lại tiếp tục khai thác gỗ còn H đi ra đường canh chừng bảo vệ rừng. Khi cắt gốc cây gỗ Bằng lăng thì lam cưa xăng bị kẹt nên D tắt máy cưa để M lắp, dùng máy cưa của H để cắt tiếp chỗ thân cây để lấy lam cưa bị kẹt. Sau đó M dùng cưa của M tiếp tục cắt gốc cây gỗ Bằng lăng rồi D thay M tiếp tục cắt đứt gốc cây Bằng lăng; nhưng do cây Đa ôm giữ cây Bằng lăng nên cây Bằng lăng không đổ. Lúc này H có gọi điện cho M hỏi tình hình nên M nói với H là đã cắt cây Bằng lăng nhưng chưa đổ do cây Đa ôm nên phải cắt cây Đa; H đồng ý cho M cắt hạ cây gỗ đa, D dùng máy cưa xăng cắt hạ cây gỗ Đa làm hai cây gỗ đổ xuống mặt đất. M dùng cưa xăng cắt thử ở hai thân của cây Bằng Lăng để kiểm tra chất lượng cây gỗ thì thấy bên trong thân cây Bằng lăng bị sâu, hư ruột (bong) không lấy được gỗ nên M gọi điện cho H báo lại tình hình rồi tắt cả tháo máy cưa cùng nhau ra về. Khi đi về đến làng Đăk K, xã L thì gặp H đang “canh đường” ở đây; D đưa máy cưa xăng cho H rồi ai về nhà đó. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng bảo vệ rừng Công ty lâm nghiệp L đã phát hiện việc khai thác gỗ trái phép tại lô 7, khoảnh 6, tiểu khu 136 nên đã báo cáo sự việc đến cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi nhận tin báo, Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang đã phối hợp các ngành chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra tại Lô 7, Khoảnh 6, Tiểu khu 136 thuộc lâm phần do Công ty lâm nghiệp L quản lý thuộc địa giới hành chính xã L; thuộc loại rừng Phòng hộ; trạng thái rừng thường xanh trung bình. Tại hiện trường phát hiện 02 cây gỗ do nhóm các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M khai thác trái phép gồm 01 Cây Bằng lăng, khối lượng: 10,316 m<sup>3</sup> và 01 cây Đa, khối lượng:

3,246 m<sup>3</sup>. Tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 02 cây là **13,562 m<sup>3</sup>**. Toàn bộ khối lượng gỗ của cây Bằng Lăng và cây Đa bị bông và dập təc không lấy được gỗ.

Tang vật thu giữ trong quá trình điều tra gồm:

- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa), nhãn hiệu STIHL MS 381; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Xanh - Đen, loại bàn phím, loại máy 01 sim; 01 xe mô tô mang biển số 81S7-0298, đã bị hàn đè số khung của Lê Đình H.

- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa), nhãn hiệu STIHL; 01 xe mô tô mang biển số 81F5-0113, không có số khung, số máy; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Đen, loại bàn phím, loại máy 01 sim của Đặng Văn M.

- 01 xe mô tô mang biển số 81K1-2636 của Hồ Tiến D.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG ngày 11/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tổ tụng hình sự huyện Kbang xác định: Giá trị thiệt hại gây ra đối với 01 cây gỗ Bằng Lăng, khối lượng 10,316 m<sup>3</sup> và 01 cây gỗ Đa, khối lượng 3,246m<sup>3</sup> tại thời điểm tháng 01/2020 là: **77.745.250** đồng. Thiệt hại phải bồi thường về rừng tự nhiên là rừng phòng hộ: Theo quy định tại thông tư số: 32/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 là **310.981.000** đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 18/8/2020, VKSND huyện Kbang đã truy tố Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*Sau đây gọi tắt là BLHS*).

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

**Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai** vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo **Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M** phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H, M và M; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo D; áp dụng thêm Điều 65 BLHS đối với bị cáo M; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo H để xử phạt:

Bị cáo **Lê Đình H** từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù.

Bị cáo **Đặng Văn M** từ 10 tháng đến 01 năm tù.

Bị cáo **Hồ Tiến D** từ 09 tháng đến 11 tháng tù.

Bị cáo **Đặng Xuân M** từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 232 của BLHS đối với các bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản tổng số tiền là **77.745.250** đồng và thiệt hại đối với rừng tự nhiên tổng số tiền là **310.981.000** đồng, chia theo phần cụ thể: Bị cáo H phải bồi thường 35% giá trị thiệt hại; bị cáo M phải bồi thường 25% giá trị thiệt hại; bị cáo D và M; mỗi bị cáo phải bồi thường 20% giá trị thiệt hại.

**Về xử lý vật chứng:** Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*\*Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước đối với:*

- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa tách rời), nhãn hiệu STIHL;
- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa tách rời), nhãn hiệu STIHL MS 381;
- 01 xe mô tô mang biển số 81F5- 0113, không xác định được số khung, số máy (do xe bị hư hỏng nặng);
- 01 xe mô tô mang biển số 81S7- 0298, đã bị hàn đè số khung chỉ thấy được các ký tự: D81L06083, số máy VDGZS152FMH-Z006083 (xe đã bị hư hỏng).

*\*Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy đối với:*

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Đen, loại bàn phím, số serial: 354185108433666, loại máy 01 sim gắn số thuê bao: 0967442458.
- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Xanh - Đen, loại bàn phím, số xê - ri: 357001043732921, loại máy 01 sim có gắn sim;

*\*Đề nghị trả lại cho chị Đặng Thị Ngọc Hà 01 xe mô tô 81K1-2636, số khung: RL8WCH9HY51000156; số máy: VLT1P52FMH-350145156.*

**Về án phí:** Buộc các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M và Đặng Xuân M phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định. Đề nghị miễn án phí HSST và DSST cho bị cáo Hồ Tiến D.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

**Đại diện theo ủy quyền của bị hại** đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền thiệt hại về lâm sản chưa thu giữ được và thiệt hại đối với rừng tự nhiên cho Nhà nước theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo H, M và D xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm quay về với gia đình, xã hội và trở thành công dân tốt; bị cáo M xin HĐXX cho bị cáo được hưởng hình phạt không phải cách ly khỏi xã hội để tự giáo dục tại gia đình cộng đồng, phấn đấu trở thành công dân tốt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 19/01/2020, các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M đã đi vào rừng tại lô 7, khoảnh 6, tiểu khu 136 là rừng phòng hộ thuộc lâm phần do Công ty Lơ Ku quản lý để khai thác trái phép 01 Cây gỗ Bằng lăng, khối lượng 10,316 m<sup>3</sup> và 01 cây gỗ Đa, khối lượng 3,246 m<sup>3</sup>. Tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 02 cây là **13,562 m<sup>3</sup>**. Gây thiệt hại về lâm sản là **77.745.250** đồng và thiệt hại đối với rừng tự nhiên là **310.981.000** đồng.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng của đất nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước nói chung, Công ty L nói riêng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, các bị cáo biết được việc vào rừng khai thác gỗ trái phép bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi mà các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M đã phạm vào tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 BLHS như truy tố của VKSND huyện Kbang là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, HĐXX xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với các bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án này Lê Đình H là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu, rủ rê, chuẩn bị công cụ và trực tiếp chỉ đạo các bị cáo khác khai thác gỗ trái phép tại lô 7, khoảnh 6, tiểu khu 136 (rừng phòng hộ) thuộc lâm phần do Công ty L quản lý. Do đó, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án này.

Bị cáo Đặng Văn M, sau khi được H rủ đi khai thác gỗ trái phép, đã tham gia một cách tích cực, trực tiếp thực hiện tội phạm và rủ bị cáo D và M (*là con trai ruột của mình*) cùng tham gia. Do đó, vai trò của bị cáo trong vụ án này chỉ đứng sau bị cáo H.

Bị cáo Hồ Tiến D và Đặng Xuân M sau khi được rủ đi khai thác gỗ trái phép đã tham gia một cách tích cực, với vai trò là đồng phạm, bị cáo D là người trực tiếp cắt hạ 02 cây gỗ trên, bị cáo M phụ dọn xung quanh gốc cây để bị cáo D và bị cáo M cắt hạ cây.

**[5] Về nhân thân:** Các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M và Đặng Xuân M đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội.

Riêng bị cáo Hồ Tiến D có nhân thân xấu: Ngày 14/3/1991, bị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân tại Bản án số 02/HS-ST và ngày 24/9/2001 bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 66/HS-PT, bị cáo đã chấp hành xong cả 02 bản án. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo D không phải là phạm tội lần đầu.

**[6] Về tình tiết tăng nặng:** Không.

**[7] Về tình tiết giảm nhẹ:**

Bị cáo **Lê Đình H**, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, có 02 con nhỏ và hiện đang nuôi một mẹ già thường xuyên đau ốm có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Khi nhận thức hành vi phạm tội của mình bị cáo đã ra đầu thú; Bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo **Đặng Văn M** quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo **Hồ Tiến D** quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, bản thân bị cáo có tiền sử bệnh tiểu đường có xác nhận của chính quyền địa phương và cơ sở y tế nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 2.000.000 đồng; Bị cáo là liệt sĩ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo **Đặng Văn M** quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ, không có việc làm ổn định, hiện đang ở chung với bố mẹ có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 1.000.000 đồng; đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội không có tình tiết tăng

năng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX xét thấy không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, để bị cáo có điều kiện lao động phụ giúp gia đình nên HĐXX cũng đã xem xét áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách là đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

#### **[8] Về trách nhiệm dân sự:**

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại về lâm sản là **13,562 m<sup>3</sup>** gỗ tròn, tổng trị giá là **77.745.250 đồng**. Ngoài ra, các bị cáo còn phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên cho Nhà nước tổng số tiền là **310.981.000 đồng**.

Phần thiệt hại trên các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D, mỗi bị cáo đã nộp bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng; bị cáo Đặng Xuân M đã nộp bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng. Do các bị cáo là đồng phạm trong vụ án nên phải cùng liên đới bồi thường giá trị thiệt hại trên cho Nhà nước; trong đó xét vai trò của các bị cáo, HĐXX chia theo phần nghĩa vụ của từng bị cáo như sau: Bị cáo H giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 35% thiệt hại gây ra; bị cáo M là đồng phạm tích cực giúp sức cho bị cáo H, trực tiếp rủ các bị cáo khác thực hiện tội phạm nên phải bồi thường tương ứng với 25% thiệt hại gây ra; bị cáo D và M là đồng phạm giúp sức cho bị cáo H nên mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 20% thiệt hại gây ra. Do đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Bị cáo H phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 27.210.837 đồng, được trừ vào 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước đó, còn phải bồi thường cho công ty Lơ Ku số tiền là **25.210.837 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **108.843.350 đồng**.

- Bị cáo M phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 19.436.312 đồng, được trừ vào 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước đó, còn phải bồi thường cho công ty Lơ Ku số tiền là **17.436.312 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **77.745.250 đồng**.

- Bị cáo D phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 15.549.050 đồng, được trừ vào 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước đó, còn phải bồi thường cho công ty Lơ Ku số tiền là **13.549.050 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **62.196.200 đồng**.

- Bị cáo M phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 15.549.051 đồng, được trừ vào 1.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước đó, còn phải bồi thường cho công ty Lơ Ku số tiền là **14.549.051 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **62.196.200 đồng**.

#### **[9] Về xử lý vật chứng:**

\*Đối với các vật chứng sau là công cụ, phương tiện liên quan đến việc phạm tội, cần tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa tách rời), nhãn hiệu STIHL;
- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa tách rời), nhãn hiệu STIHL MS 381;
- 01 xe mô tô mang biển số 81F5- 0113, không xác định được số khung, số máy;



- 01 xe mô tô mang biển số 81S7- 0298, đã bị hàn đê số khung chỉ thấy được các ký tự: D81L06083, số máy VDGZS152FMH-Z006083.

\*Đối với các vật chứng sau là công cụ, phương tiện liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Đen, loại bàn phím, số serial: 354185108433666, loại máy 01 sim gắn số thuê bao: 0967442458.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Xanh - Đen, loại bàn phím, số xê - ri: 357001043732921, loại máy 01 sim có gắn sim;

\*Trả lại cho chị Đặng Thị Ngọc Hà 01 xe mô tô 81K1-2636, số khung: RL8WCH9HY51000156; số máy: VLT1P52FMH-350145156.

**[10] Xét quan điểm đường lối giải quyết vụ án** của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

**[11] Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy các bị cáo chưa được thu lợi bất chính từ việc khai thác gỗ trái phép, không có việc làm và thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 232 BLHS đối với các bị cáo.

**[12] Về án phí:** Các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M và Đặng Xuân M phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định.

Bị cáo Hồ Tiến D có bố là Liệt sỹ - là người có công với cách mạng, có đơn đề nghị miễn án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX quyết định miễn án phí HSST và DSST đối với bị cáo.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**[1] Về Điều luật áp dụng đối với các bị cáo Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M:**

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, Điều 38, Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Lê Đình H.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, Điều 38, Điều 58; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Đặng Văn M.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, Điều 38, Điều 58; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Hồ Tiến D.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, Điều 58; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Đặng Xuân M.

**[2] Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo **Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M**, phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*".

**[3] Về hình phạt:**

Xử phạt bị cáo **Lê Đình H 01 (một) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 11/5/2020).

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn M 10 (M) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 07/5/2020).

Xử phạt bị cáo **Hồ Tiến D 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 07/5/2020).

Xử phạt bị cáo **Đặng Xuân M 08 (tám) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16 (M sáu) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày **18/01/2021**).

*Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

**[4] Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

\*Buộc các bị cáo **Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M** phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản cho công ty TNHH MTV LN Lơ Ku tổng số tiền là **77.745.250 đồng** (Bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Bị cáo **Lê Đình H** là: **25.210.837 đồng**.
- Bị cáo **Đặng Văn M** là: **17.436.312 đồng**.
- Bị cáo **Hồ Tiến D** là: **13.549.050 đồng**.
- Bị cáo **Đặng Xuân M** là: **14.549.051 đồng**.

\*Buộc các bị cáo **Lê Đình H, Đặng Văn M, Hồ Tiến D và Đặng Xuân M** phải liên đới bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là **310.981.000 đồng** (Ba trăm M triệu, chín trăm tám mươi một nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Bị cáo **Lê Đình H** là: **108.843.350 đồng**.
- Bị cáo **Đặng Văn M** là: **77.745.250 đồng**.
- Bị cáo **Hồ Tiến D** là: **62.196.200 đồng**.
- Bị cáo **Đặng Xuân M** là: **62.196.200 đồng**.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.*

**[5] Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*\*Tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước:*

- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa tách rời), nhãn hiệu STIHL;
- 01 máy cưa xăng (gồm máy, lam, xích cưa tách rời), nhãn hiệu STIHL MS 381;
- 01 xe mô tô mang biển số 81F5- 0113, không xác định được số khung, số máy (do xe bị hư hỏng nặng);
- 01 xe mô tô mang biển số 81S7- 0298, đã bị hàn đè số khung chỉ thấy được các ký tự: D81L06083, số máy VDGZS152FMH-Z006083 (xe đã bị hư hỏng).

*\*Tuyên tịch thu tiêu hủy:*

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Đen, loại bàn phím, số serial: 354185108433666, loại máy 01 sim gắn số thuê bao: 0967442458.
- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu Xanh - Đen, loại bàn phím, số xê - ri: 357001043732921, loại máy 01 sim có gắn sim;

\* Tuyên trả cho chị Đặng Thị Ngọc Hà 01 xe mô tô 81K1-2636, số khung: RL8WCH9HY51000156; số máy: VLT1P52FMH-350145156.

*(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2020 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).*

**[6] Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo **Lê Đình H, Đặng Văn M và Đặng Xuân M**, mỗi bị cáo phải chịu **200.000** đồng án phí HSST.

Buộc bị cáo **Lê Đình H** phải chịu **6.702.709** đồng án phí DSST.

Buộc bị cáo **Đặng Văn M** phải chịu **4.759.078** đồng án phí DSST.

Buộc bị cáo **Đặng Xuân M** phải chịu **3.837.262** đồng án phí DSST.

Miễn án phí HSST và DSST đối với bị cáo **Hồ Tiến D**.

**[7] Về quyền, thời hạn kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Cơ quan CSĐT công an huyện.
- Hạt Kiểm lâm huyện.
- Các bị cáo.
- Bị hại.
- Người CQL,NVLQ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Phương**

- Chi cục THADS huyện.  
(Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA,VPTA.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

